

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 38/2023/DS-PT

Ngày: 21 - 3 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán:

Ông Lâm Triệu Hữu

Bà Trần Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DSST ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2023/QĐPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị S, sinh năm: 1942; Cư trú tại: Ấp H, xã B, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị Châu Thị H; Cư trú tại: Ấp N, xã B, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Bùi Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án

nguyên đơn bà Bùi Thị S trình bày:

Bà cho chị H vay 03 lần tiền với tổng số tiền là 62.400.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, cụ thể như sau:

- Ngày 04/11/2020, vay số tiền 12.400.000 đồng, có làm biên nhận.
- Ngày 12/12/2020, vay số tiền 20.000.000 đồng, có làm biên nhận.
- Ngày 12/12/2020, vay số tiền 30.000.000 đồng, có làm biên nhận nhưng chị H giữ lại biên nhận.

Sau khi vay tiền thì chị H không trả vốn, lãi cho bà theo thỏa thuận. Do chị H vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H phải trả cho bà số tiền vốn là 62.400.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 12/01/2021 đến ngày 12/01/2022, mức lãi suất 0,83%/tháng, với số tiền là 6.125.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 68.615.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị H trả cho bà số tiền vay 62.400.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 19/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Châu Thị H trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà S thì chị không thống nhất vì trước đây chị có vay của bà S số tiền 20.000.000 đồng vào tháng chạp nhưng chị đã trả xong cho bà S số tiền vốn 20.000.000 đồng và tiền lãi 1.200.000 đồng. Đối với số tiền 12.400.000 đồng, do bà Bùi Thị H1 vay của bà S, đến khi bà H1 trả tiền cho bà S thì bà H1 có nhờ chị viết biên nhận dùm, chị xác định không nhận tiền từ bà H1 hay bà S. Sau đó, chị có mượn bà S số tiền 10.000.000 đồng, không phải số tiền 30.000.000 đồng và chị không có giật biên nhận như lời trình bày của bà S. Nay chị chỉ đồng ý trả cho bà S số tiền 10.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị S.

Buộc bị đơn Châu Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị S số tiền 12.400.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí giám định, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, nguyên đơn bà Bùi Thị S có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà buộc chị Châu Thị H phải trả cho bà số tiền 62.400.000 đồng và bà không phải chịu chi phí giám định chữ ký.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà S yêu cầu bà H trả số tiền vay theo các biên nhận ngày 12/12/2020 là 20.000.000 đồng do bà H ký tên và viết trước mặt bà và biên nhận vay 30.000.000 đồng ngày 12/12/2020 bà H lợi dụng bà S già yếu đã giật biên nhận vay bà có báo công an xã nhưng không lập biên bản.

Chị H thừa nhận hiện còn thiếu bà S số tiền 10.000.000 đồng. Án sơ thẩm buộc bà trả số tiền 12.400.000 đồng theo biên nhận ngày 04/11/2020 bà đồng ý. Bà S kháng cáo yêu cầu bà trả số tiền 50.000.000 đồng theo các biên nhận ngày 12/12/2020 bà không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị S. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà S về việc yêu cầu chị Châu Thị H trả số tiền 12.400.000 đồng. Buộc chị Châu Thị H có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị S số tiền vốn bằng 12.400.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S về việc yêu cầu chị Châu Thị H trả số tiền 50.000.000 đồng theo các biên nhận ngày 12/12/2020. Về án phí dân sự phúc thẩm bà S được miễn do là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà S cho rằng cho chị H vay 03 lần tiền với tổng số tiền vay là 62.400.000 đồng. Trong đó, ngày 04/11/2020, bà S cho rằng có cho chị H vay số

tiền 12.400.000 đồng, có lập biên nhận vay do chị H viết; Ngày 12/12/2020, vay số tiền 20.000.000 đồng, có làm biên nhận và ngày 12/12/2020, vay số tiền 30.000.000 đồng, có làm biên nhận nhưng chị H giữ lại biên nhận. Chị H thừa nhận biên nhận vay ngày 04/11/2020 do chị viết nhưng do bà Bùi Thị H1 vay của bà Sáu, đến khi bà H1 trả tiền cho bà S thì bà H1 có nhờ chị viết biên nhận dùm, chị xác định không nhận tiền hoặc vay tiền từ bà H1 hay bà S. Chị H thừa nhận có thiếu bà S số tiền 10.000.000 đồng và đồng ý trả 10.000.000 đồng. Án sơ thẩm xử buộc chị H trả số tiền vay 12.400.000 đồng theo biên nhận ngày 04/11/2020 chị H đồng ý không kháng cáo.

Xét yêu cầu kháng cáo bà S đối với số tiền vay 20.000.000 đồng theo biên nhận vay ngày 12/12/2020. Bà S cho rằng biên nhận vay ngày 12/12/2020 số tiền 20.000.000 đồng do chị H ký tên và viết trước mặt bà S. Tuy nhiên, chị H thì cho rằng cuối tháng 12/2020 chị có vay bà S số tiền 20.000.000 đồng nhưng sau đó chị đã trả vốn, lãi cho bà S xong và bà S đã xé bỏ biên nhận vay nên chị không đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu của bà S. Biên nhận vay ngày 12/12/2020 số tiền 20.000.000 đồng do bà S cung cấp trong vụ án này không phải chữ ký, chữ viết của chị. Tại kết luận giám định số 464/KL-KTHS ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận biên nhận vay ngày 12/12/2020, đối với số tiền 20.000.000 đồng: Chữ viết cần giám định có nội dung “*12 tháng chạp có mượn ngoại Sáu Nguyễn thị Huệ 20.0000 chaic triệu*” trên tài liệu ký hiệu A2 so với chữ ký mẫu so sánh mang tên Châu Thị H trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M15 là không phải do cùng một người ký ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà S thống nhất với kết quả giám định, không yêu cầu giám định lại và bà thừa nhận số tiền chị H thừa nhận có nợ bà 20.000.000 đồng là thuộc biên nhận ngày 12/12/2020 bà khởi kiện trong vụ án này. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày thì bà S không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh chị H còn nợ của bà số tiền 20.000.000 đồng theo biên nhận vay ngày 12/12/2020 nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà đối với số tiền 20.000.000 đồng.

Bà S kháng cáo yêu cầu chị H trả số tiền vay 30.000.000 đồng, ngày 12/12/2020. Bà S cho rằng khi vay bà H có viết biên nhận nhưng sau đó chị H lợi dụng bà già yếu giật biên nhận nên bà không thể cung cấp cho Tòa án. Tại phiên tòa bà S cho rằng việc khi chị H giật biên nhận tại nhà chị H có công an xã biết nhưng không lập biên bản. Chị H không thừa nhận có vay bà S số tiền 30.000.000 đồng, ngày 12/12/2020 và cũng không có giật biên nhận vay như lời trình bày của bà S. Ngoài lời trình bày, bà S cũng không cung cấp được chứng

cứ chứng minh chị H có vay của bà số tiền 30.000.000 đồng nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S đối với khoản tiền này.

Do đó, án sơ thẩm xử buộc chị H trả cho bà S số tiền 12.400.000 đồng theo biên nhận vay ngày 04/11/2020 là có căn cứ.

[2] Xét án sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu của bà S về việc yêu cầu chị Châu Thị H trả số tiền 50.000.000 đồng theo biên nhận vay 12/12/2020. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S về việc yêu cầu chị Châu Thị H trả số tiền 50.000.000 đồng theo biên nhận vay 12/12/2020 là không đúng theo Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm đối với nội dung trên.

[3] Về chi phí giám định: Tổng cộng là 8.000.000 đồng. Do chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên bà S phải chịu chi phí giám định đối với phần yêu cầu của bà đã được chứng minh là không có căn cứ theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, án sơ thẩm buộc bà S, chị H mỗi người chịu 50% tương đương số tiền 4.000.000 đồng là có căn cứ nên bà S kháng cáo yêu cầu không phải chịu số tiền trên là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Bùi Thị S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị S. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DSST ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S. Buộc chị Châu Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị S số tiền 12.400.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S về việc yêu cầu chị Châu Thị H trả số tiền 50.000.000 đồng theo biên nhận vay 12/12/2020.

3. Về chi phí giám định: Bà Bùi Thị S phải chịu 4.000.000 đồng, chị Châu Thị H phải chịu 4.000.000 đồng. Chị H đã nộp tạm ứng 6.000.000 đồng, bà S nộp 2.000.000 đồng nên buộc bà S hoàn trả cho chị H số tiền tạm ứng chi phí giám định là 2.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Bùi Thị S không phải án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H.TO: 01;
- VKSND H.TO: 01;
- Chi Cục THADS H.TO: 01;
- Đương sự: 02;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca